

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày 14/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ban ;
2. Ông Phạm Hữu Kinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Ngô Văn Long - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Duy K**, giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 16 tháng 12 năm 2001. Tại: Thành phố ĐN;

Nơi cư trú: Tổ 23 phường AHT, quận ST, Tp. ĐN;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12;

Nghề nghiệp: thợ hớt tóc; tên cha Lê Duy V – Sinh năm: 1978; tên mẹ Đỗ Thị P – Sinh năm: 1983;

Cùng trú: Tổ 23 phường AHT, quận ST, Tp. ĐN;

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 03 (ba) anh em.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/4/2018, Sử dụng trái phép chất ma túy; Công an quận ST, thành phố Đà Nẵng xử lý hành chính phạt tiền 325.000 đồng (chưa chấp hành quyết định xử phạt).

Nhân thân:

Ngày 17/01/2016, Trộm cắp tài sản; Công an phường HH, NH S, thành phố ĐN xử lý Cảnh cáo theo Quyết định số 20 ngày 20/01/2016.

Ngày 20/11/2016, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Công an quận ST, thành phố ĐN xử lý Cảnh cáo theo Quyết định số 14 ngày 23/5/2017.

Ngày 29/6/2018 bị Tòa án nhân dân quận ST, thành phố ĐN xử phạt 15 (mười lăm) tháng đưa vào Trường giáo dưỡng, Cơ sở giáo dục theo Bản án số 43/HSST.

Bị cáo Lê Duy K đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ĐB, tỉnh Q N từ ngày 23/02/2019. (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Duy K có ông Lê Duy V- sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ 23, phường AHB, quận ST, Tp. ĐN (là cha ruột của bị cáo).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Duy K có ông Lê Duy V – Sinh năm: 1978 và bà Đỗ Thị P – Sinh năm: 1983; Cùng nơi cư trú: Tổ 23, phường AHB, quận ST, Tp. ĐN (là cha và mẹ ruột của bị cáo).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khối CH, phường ĐN, thị xã ĐB, tỉnh QN.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Hồng S – Sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ 49, phường HQ, quận NHS, Tp. ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 22/02/2019, Lê Duy K đi bộ từ nhà bà ngoại của Nguyễn T (Sinh ngày: 10/10/2001; trú: Tổ 1B, khối AN, phường AHB, quận ST, thành phố ĐN) ở khối phố CH, phường ĐN, thị xã ĐB ra ngoài đường đi tìm đồ thờ cúng của những người dân sống lân cận để ăn cho đỡ đói. Khi đi đến đoạn đường trước nhà

anh Nguyễn Văn H (Sinh năm: 1985; trú: Khối phố CH, phường ĐN) thì K phát hiện 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 43E1 – 504.61 của anh H đang để bên hông nhà không có ai trông coi. Lúc này, K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe 43E1 – 504.61. K tiến đến gần chiếc xe mô tô và kiểm tra thấy xe không khóa cổ. Sau khi quan sát xung quanh không có ai, K liền dắt chiếc xe 43E1 – 504.61 ra ngoài đường rồi dắt về nhà bà ngoại T để ở nhà dưới. Tiếp đến, K dùng tuốc nơ vít có sẵn ở nhà T để mở phanh bên phải của xe 43E1 – 504.61 rồi bứt dây khóa điện, sau đó dùng dây đồng đầu hai đầu dây điện lại để khởi động máy. Sau khi nổ được máy, K lắp phanh lại và nằm ngủ. Đến tối cùng ngày, T đi chơi về, ngoài ra K còn thấy có thêm những người bạn của K gồm L, Q (ở quận ST, ĐN, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), B (ở quận NHS, ĐN, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đang ở nhà ngoại T. Khi T đứng ở nhà dưới và thấy chiếc xe 43E1 – 504.61 thì T hỏi “Xe nó ở đâu vậy?”, K trả lời “Xe tao dắt trộm ở nhà xóm bên”. Khi nghe K trả lời xong thì T không nói gì và đi lên phía nhà trên tiếp tục nói chuyện với L, Q, B. Cho đến khoảng 22 giờ cùng ngày, K cùng L, Q về lại ĐN. L điều khiển xe Sirius 43E1 – 504.61 chở Khoa ngồi phía sau. Q điều khiển xe Sirius của Q (không rõ biển số) đi một mình. Khi L chở K đến nhà thì K giao xe 43E1 – 504.61 cho L đi và nói L đến sáng hôm sau trả lại cho K.

Ngoài ra, K còn khai nhận vào khoảng trưa ngày 20/02/2019, lợi dụng không có ai trông coi, K đã lén lút dắt trộm một xe mô tô hiệu Dame kiểu dáng Dream, màu nâu gắn biển số 43K9-3748 của chị Hà Thị Hồng S (Sinh năm: 1997, trú tại: Tổ 49, HQ, NHS, thành phố ĐN) dựng phía trước cổng quán Karaoke Biển Đông, thuộc khối phố CH, phường ĐN, thị xã DB, tỉnh QN để làm phương tiện đi lại, cho đến chiều cùng ngày, khi điều khiển xe Dream 43K9-3748 đi ngang qua quán Karaoke Biển Đông thấy tại đây đang tụ tập đông người, K sợ bị phát hiện nên mang xe Dream 43K9-3748 đến dựng tại gần một bụi tre cách quán Karaoke Biển Đông khoảng 100m rồi sau đó đi bộ về nhà ngoại T.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 16/HĐĐG ngày 01/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định giá trị xe mô tô Sirius màu đỏ đen mang biển số 43E1-504.61 là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 17/HĐĐG ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Điện Bàn xác định giá trị xe mô tô Dame, kiểu dáng Dream, màu nâu mang biển số 43K9-3748 là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*).

- Quá trình điều tra, tạm giữ:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 43E1 – 504.61, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn H. Anh H không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Dame kiểu dáng Dream, màu nâu biển kiểm soát 43K9-3748 của chị Hà Thị Hồng S mua lại nhưng chưa là thủ tục sang tên, đổi chủ. Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ, xác minh, đề xuất xử lý sau.

- Đối với lần Lê Duy K trộm cắp xe mô tô hiệu Dame kiểu dáng Dream, màu nâu gắn biển số 43K9-3748 của chị Hà Thị Hồng S có giá trị 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*). Chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan CSĐT tách ra để xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với đối tượng Nguyễn T, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra vào ngày 23 tháng 02 năm 2019 cho đến nay T đã bỏ đi khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã nhiều lần gửi giấy mời thông qua Công an phường ĐN nhưng vẫn không mời làm việc được đối với đối tượng T. Vì vậy, Cơ quan CSĐT tách ra, khi nào làm việc được với Tú sẽ đề xuất xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn đã truy tố bị cáo Lê Duy K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS 2015 và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Bị cáo, người bào chữa không có tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng trưa ngày 22/02/2019, tại khối phố CH, phường ĐN, thị xã DB, tỉnh QN, Lê Duy K đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) xe mô tô Sirius màu đỏ đen mang biển số 43E1-504.61 của anh Nguyễn Văn H. Giá trị tài sản trộm cắp là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*). Lời khai nhận

của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án. HĐXX có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Xét thấy, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 2 tháng 08 ngày) nhưng đã có nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính, đã bị TAND quận ST, thành phố ĐN xét xử về tội trộm cắp nhưng chưa chấp hành án mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội lần này. Do đó, HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. HĐXX xem xét các tình tiết này đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã trả lại cho bị hại, và bị hại không có yêu cầu khác nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Duy K phải chịu án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy K 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 23/02/2019) .

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Lê Duy K phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí HSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo Bản án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án của Tòa án gửi đến.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q N;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Đội Tổng hợp Công an DB;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp QN;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tân

tòa

